

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM Y TẾ TP HẠ LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1138 /TB-TTYT
V/v mời chào giá thuốc phục vụ hoạt
động khám chữa bệnh tại Trung tâm
năm 2024-2025

Hạ Long, ngày 18 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Các công ty sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh dược phẩm

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/05/2024 của Bộ Y tế quy định;

Căn cứ Thông báo số 61/TB-TTKN ngày 22/05/2024 của Trung tâm Kiểm nghiệm

Căn cứ Công văn số 2368/SYT-NVD ngày 06/06/2024 của Sở Y tế Quảng Ninh về việc đảm bảo đủ thuốc phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ công văn 2933/SYT-NVD ngày 09/07/2023 của Sở Y tế Quảng Ninh về việc đẩy nhanh tiến độ đấu thầu, mua sắm thuốc không lựa chọn được nhà thầu trong đấu thầu tập trung và thuốc cho nhà thuốc bệnh viện;

Trung tâm Y tế thành phố Hạ Long có nhu cầu tiếp nhận báo giá đề tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm thuốc bổ sung năm 2024 - 2025 cho Trung tâm Y tế thành phố Hạ Long năm 2024-2025 với nội dung sau:

1. Đề nghị quý Công ty báo giá các mặt hàng thuốc hiện đang kinh doanh đáp ứng tiêu chí tại Phụ lục I đính kèm và báo giá theo mẫu phụ lục II đính kèm.

2. Văn bản báo giá thuốc đề nghị gửi về: DS Nhung 0976.326.236 - Phòng KHNH - Dược - TTB VTYT, Trung tâm Y tế thành phố Hạ Long, (địa chỉ: 80 Trần Hưng Đạo, Hạ Long, Quảng Ninh) **trước 16h30 ngày 28/7/2024.**

Đồng thời gửi kèm bản điện tử báo giá vào hòm thư: dauthauttythalong2022@gmail.com

Trong quá trình triển khai nếu có gì vướng mắc đề nghị công ty liên hệ Phòng KHNH - Dược - TTB - VTYT; số điện thoại: 0976.326.236 hoặc 02033.821.424 để được hướng dẫn, giải đáp./.

Trung tâm Y tế thành phố Hạ Long trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

-Như Kính gửi;
-Lưu VT, KHNH -D;



GIÁM ĐỐC
Bs. *Bùi Hồng Tâm*



PHỤ LỤC I:

(Kèm theo Thông báo số 1138/TB-TT-YT ngày 18/7/2024 của Trung tâm Y tế TP Hạ Long)

STT	Mã số	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm Lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm kỹ thuật
1	BSG1	Paracetamol	150mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống hòa tan nhanh	Gói/Túi	4
2	BSG2	Paracetamol + chlorpheniramin	325mg + 2mg (dạng muối)	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi	4
3	BSG3	Diclofenac	50mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	2
4	BSG4	Celecoxib	100mg	Uống	Viên nang	Viên	2
5	BSG5	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên	Viên	4
6	BSG6	Etoricoxib	60mg	Uống	Viên	Viên	1
7	BSG7	Glucosamin	500mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	2
8	BSG8	Glucosamin	250mg (dạng muối)	Uống	Viên nang	Viên	4
9	BSG9	Allopurinol	300mg	Uống	Viên	Viên	1
10	BSG10	Acetylcystein	200mg	Uống	Viên nang	viên	2
11	BSG11	Ambroxol	30mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	1
12	BSG12	Ambroxol	30mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	2
13	BSG13	Ambroxol	15mg (dạng	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/	Chai/Lọ/ Ống	4

STT	Mã số	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm Lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm kỹ thuật
			muối)/5ml , 60ml		nhũ dịch uống		
14	BSG14	Codein + terpin hydrat	10mg (dạng muối) + 100mg	Uống	Viên	Viên	4
15	BSG15	Bambuterol	10mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	4
16	BSG16	Budesonid+ Formoterol	(100mcg + 6mcg (dạng muối))/liều u, 120 liều	Hít	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình/Hộp/ Chai/L ọ/Ống	2
17	BSG17	Salbutamol sulfat	100mcg (Salbutam ol)/liều, 200 liều	Đường hô hấp	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều	Bình/Hộp/ Chai/L ọ/Ống	1
18	BSG18	Chlorpheniramin	4mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	4
19	BSG19	Fexofenadin	60mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	2
20	BSG20	Cinnarizin	25mg	Uống	Viên	Viên	4
21	BSG21	Doxycyclin	100mg	Uống	Viên nang	Viên	1
22	BSG22	Levofloxacin	250mg	Uống	Viên	Viên	1
23	BSG23	Phenoxy methylpenicilin	1.000.000I U	Uống	Viên	Viên	4
24	BSG24	Amoxicilin	250mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi	3



STT	Mã số	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm Lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm kỹ thuật
25	BSG25	Amoxicilin + Acid clavulanic	875mg + 125mg	Uống	Viên	Viên	3
26	BSG26	Amoxicilin + Acid clavulanic	500mg + 125mg	Uống	Viên	Viên	3
27	BSG27	Cefadroxil	500mg	Uống	Viên nang	Viên	4
28	BSG28	Cefalexin	250mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi	3
29	BSG29	Cephalexin	500mg	Uống	Viên nang	Viên	3
30	BSG30	Cefixim	200mg	Uống	Viên	Viên	3
31	BSG31	Azithromycin	200mg/5m l, 600mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/Lọ/ Ống	3
32	BSG32	Tobramycin + dexamethason	(0,3% + 0,1%), 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ/ Ống/Gói/ Túi	4
33	BSG33	Metoprolol	50mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	1
34	BSG34	Metoprolol	25mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	1
35	BSG35	Bisoprolol	5mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	1
36	BSG36	Bisoprolol	2,5mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	2
37	BSG37	Enalapril	5mg	Uống	Viên	Viên	2

STT	Mã số	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm Lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm kỹ thuật
38	BSG38	Perindopril	5mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	1
39	BSG39	Perindopril	4mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	2
40	BSG40	Perindopril	4mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	4
41	BSG41	Candesartan	8mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	1
42	BSG42	Losartan	50mg (dạng muối)	Uống.	Viên	Viên	3
43	BSG43	Perindopril + amlodipin	4mg (dạng muối) + 10mg	Uống	Viên	Viên	1
44	BSG44	Perindopril + amlodipin	4mg (dạng muối) + 5mg	Uống	Viên	Viên	2
45	BSG45	Amlodipin + Losartan	5mg + 50mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	3
46	BSG46	Enalapril + hydrochlorothiazid	5mg (dạng muối) + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	4
47	BSG47	Enalapril + hydrochlorothiazid	20mg (dạng muối) + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	2
48	BSG48	Enalapril + hydrochlorothiazid	10mg (dạng muối) + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	2

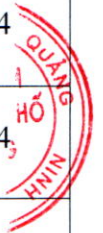
STT	Mã số	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm Lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm kỹ thuật
49	BSG49	Bisoprolol + hydrochlorothiazid	2,5mg (dạng muối) + 6,25mg	Uống	Viên	Viên	2
50	BSG50	Candesartan + hydrochlorothiazid	8mg (dạng muối) + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	4
51	BSG51	Losartan + Hydrochlorothiazid	100mg (dạng muối) + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	4
52	BSG52	Losartan + Hydrochlorothiazid	50mg (dạng muối) + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	1
53	BSG53	Pravastatin	10mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	4
54	BSG54	Trimetazidin	35mg (dạng muối)	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	1
55	BSG55	Trimetazidin	35mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	2
56	BSG56	Trimetazidin	20mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	1
57	BSG57	Gliclazid + metformin	80mg + 500mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	3
58	BSG58	Gliclazid + metformin	80mg + 500mg	Uống	Viên	Viên	5

STT	Mã số	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm Lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm kỹ thuật
			(dạng muối)				
59	BSG59	Glimepirid + metformin	2mg + 500mg (dạng muối)	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	3
60	BSG60	Glimepirid + metformin	2mg + 500mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	4
61	BSG61	Metformin	750mg (dạng muối)	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	2
62	BSG62	Metformin	500mg (dạng muối)	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	3
63	BSG63	Insulin người trộn, hỗn hợp 30/70	1000IU/10 ml, 10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/ Ống	2
64	BSG64	Insulin người trộn, hỗn hợp 30/70	300IU/3ml , 3ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm	Bơm tiêm/Bút tiêm	1
65	BSG65	Sắt sulfat + acid folic	50mg + 350mcg	Uống	Viên nang	Viên	4
66	BSG66	Naphazolin	0,05% (dạng muối), 5ml	Nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mũi	Chai/Lọ/ Ống/Gói/ Túi	4
67	BSG67	Xylometazolin	0,05%, 10ml	Nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mũi	Chai/Lọ/ Ống	4
68	BSG68	Sorbitol	5g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi	4

STT	Mã số	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm Lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm kỹ thuật
69	BSG69	Diosmectit	3g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi	1
70	BSG70	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat- nhôm hydroxyd	2,5g + 0,5g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi	4
71	BSG71	Loperamid	2mg	Uống	Viên nang	Viên	4
72	BSG72	Vinpocetin	5mg	Uống	Viên	viên	1
73	BSG73	Vitamin B1	100mg	Uống	Viên	Viên	4
74	BSG74	Vitamin B1 + B6 + B12	115mg + 115mg + 50mcg	Uống	Viên nang	Viên	4
75	BSG75	Vitamin B6	100mg/ml, 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/ Ống/Gói/ Túi	4
76	BSG76	Vitamin B6 + magnesi lactat	5mg + 470mg	Uống	Viên	Viên	2
77	BSG77	Vitamin C	1g	Uống	Viên sủi	Viên	2
78	BSG78	Calci carbonat + vitamin D3	750mg + 200IU	Uống	Viên	Viên	4
79	BSG79	Calci clorid	500mg/5ml, 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/ Ống	4
80	BSG80	Morphin	10mg (dạng muối)/ml, 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/ Ống	4

STT	Mã số	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm Lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm kỹ thuật
81	BSG81	Gentamicin	40mg/ml, 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/ Ống/Gói/ Túi	4
82	BSG82	Phytomenadion (vitamin K1)	1mg/ml, 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/ Ống	4
83	BSG83	Diphenhydramin	10mg (dạng muối)/ml, 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/ Ống/Gói/ Túi	4
84	BSG84	Natri clorid	0,9%, 500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/ Ống/Gói/ Túi	4
85	BSG85	Nhũ dịch lipid	20%, 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/ Ống/Gói/ Túi	1
86	BSG86	Diazepam	10mg/2ml, 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/ Ống/Gói/ Túi	4
87	BSG87	Methyl prednisolon	40mg	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm đông khô	Chai/Lọ/ Ống	2
88	BSG88	Methyl prednisolon	40mg	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm đông khô	Chai/Lọ/ Ống	4
89	BSG89	Misoprostol	200mcg	Uống	Viên	Viên	4
90	BSG90	Than hoạt	100mg	Uống	Viên	Viên	4
91	BSG91	Lidocain	2%, 2ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/ Ống	4
92	BSG92	Lidocain	2% (dạng muối), 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	1
93	BSG93	Lidocain + epinephrin	(36mg (dạng muối) +	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/ Ống/Gói/ Túi	1

STT	Mã số	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm Lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm kỹ thuật
			$\geq 0,018\text{mg}$)/1,8ml, 1,8ml				
94	BSG94	Lidocain + epinephrin	(36mg (dạng muối) + $\geq 0,018\text{mg}$)/1,8ml, 1,8ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/ Ống/Gói/ Túi	4
95	BSG95	Povidon iod	10%, 20ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/ Túi	4
96	BSG96	Povidon iod	10%, 100ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/ Túi	4
97	BSG97	Povidon iod	10% , 125ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/ Túi	4
98	BSG98	Povidon iodin	10%, 500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/ Ống/Gói/ Túi	4
		Tổng cộng: 98 khoản					



hư



PHỤ LỤC II:

(Kèm Thư mời chào giá số: 1138/TB-TTYT ngày 18/07/2024 của Trung tâm y tế thành phố Hà Long)

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế thành phố Hà Long

Căn cứ Thông báo số 1138/TB - TTYT ngày 18/07/2024 của Trung tâm Y tế thành phố Hà Long;

Chúng tôi, Công ty (tên đơn vị).....có địa chỉ tại:..... Xin gửi đến Trung tâm bảng báo giá và thông tin hàng hóa cụ thể như sau:

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Số TT theo TT20/2022/TT-BYT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm TCKT theo TT07/2024/TT-BYT	Hạn dùng (tuổi thọ)	Số ĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT)	Giá trúng thầu 12 tháng gần nhất				Ghi chú
																Giá trúng thầu	Số QĐ phê duyệt trúng thầu	Ngày QĐ phê duyệt trúng thầu	Đơn vị ra quyết định	
1																				
2																				

Báo giá có hiệu lực:..... kể từ ngày báo giá

Ghi chú: Giá báo giá là giá hàng mới 100% đã bao gồm các loại thuế và các chi phí khác, giao hàng tại kho Dược – Trung tâm y tế Thành phố Hà Long

....., ngày....., tháng....., năm.....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Tại cột “Tên hoạt chất”: Công ty có thể báo giá các dạng đồng phân hóa học khác hoặc các dạng muối khác của hoạt chất nếu có cùng chỉ định, liều điều trị.
- Tại cột “Nhóm TCKT”: Công ty có thể báo giá các thuốc có nhóm TCKT khác với nhóm TCKT tại Phụ lục.